

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Du lịch; Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và công dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch, lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 171/TTr-SVHTT&DL ngày 05/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Du lịch; Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch như sau:

1. Công bố 10 danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại số thứ tự 98, 99, 100, 111, 112, 113, 114, 115 mục C1, phần C, mục I ban hành kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; tại số thứ tự 10, mục III phần A ban hành kèm theo Quyết định số 693/QĐ-UBND

ngày 27/03/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới trong các lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử; báo chí; xuất bản, in và phát hành; thông tin đối ngoại thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; tại số thứ tự 1, mục III phần C ban hành kèm theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền.

(Có phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Phê duyệt 10 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại số thứ tự 98, 99, 100, 111, 112, 113, 114, 115 mục C1, phần C, mục I ban hành kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; tại số thứ tự 01, mục III phần A ban hành kèm theo Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới trong các lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử; báo chí; xuất bản, in và phát hành; thông tin đối ngoại thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; tại số thứ tự 05, phần C, phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền.

(Có phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

Phụ lục I
Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch; Xuất bản, In và Phát hành
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
A	LĨNH VỰC DU LỊCH: 08 TTHC					
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	750.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</i> - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
3	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc	1.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	hành nội địa		Phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến		- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	8 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	100.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020 - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/ 6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
5	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	325.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/ 6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	325.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/ 6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</i> - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
7	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc	8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc	325.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
	tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa		Phục vụ hành chính công tỉnh	trực tuyến		- Luật Cư trú số 68/2020/QH14 ngày 13/11/2020; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/ 6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</i> - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						một số điều của Luật Du lịch.
8	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	8 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến	+ 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa; + 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017; - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</i> - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/8/2024; - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.
B	LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH: 02 TTHC					
9	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	9 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện	<i>Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026:</i> + <i>Tài liệu in trên giấy:</i> 7.500 đồng/trang quy chuẩn; + <i>Tài liệu điện tử dưới dạng đọc:</i> 3.000 đồng/phút; + <i>Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn:</i>	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					13.500.000 đồng/phút.	định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						xuất bản; - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản; - Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						138/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</i>
10	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	7 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Gửi hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua bưu điện	<i>Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 25.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ</i>	- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - <i>Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Tài chính.	miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản; - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013.

Phụ lục II

Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Du lịch; Xuất bản, In và Phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch
(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. LĨNH VỰC DU LỊCH**1. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa**

- Thời gian giải quyết: 08 ngày
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	½ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn	3,5 ngày

			bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở duyệt	
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Phát hành văn bản bàn chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số	½ ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Số hóa kết quả	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

2. Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

- Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày

B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	½ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở duyệt	01 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Báo cáo thẩm định	½ ngày
B3	Xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Quyết định cấp giấy phép	01 ngày
B4	Phát hành văn bản bàn chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số	½ ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Số hóa kết quả	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				04 ngày

3. Thủ tục cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa

- Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc

- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	½ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở duyệt	01 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Báo cáo thẩm định	½ ngày
B3	Xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Quyết định cấp giấy phép	01 ngày
B4	Phát hành văn bản bàn chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số	½ ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Số hóa kết quả	¼ ngày

	Tổng thời gian thực hiện			04 ngày
--	---------------------------------	--	--	----------------

4. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm

- Thời gian giải quyết: 08 ngày

- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	¼ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở duyệt	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan	1 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Báo cáo thẩm định	½ ngày

B3	Xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Quyết định cấp thẻ HDV	1 ngày
B4	In thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch tại điểm	4,5 ngày
B5	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số; Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	¼ ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thẻ HDV DL tại điểm	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

5. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế

- Thời gian giải quyết: 12 ngày
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	½ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan	3,5 ngày

		phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyên lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở duyệt		
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Báo cáo thẩm định	½ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Quyết định cấp thẻ HDV du lịch	½ ngày
B4	In thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	6 ngày
B5	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số; Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	¼ ngày
B6	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

6. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa

- Thời gian thực tế giải quyết: 12 ngày
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----------	---------------------------	------------------------------	---------------------------	----------------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	½ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở duyệt	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan	3,5 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Báo cáo thẩm định	½ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Quyết định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch	½ ngày
B4	In thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	6 ngày
B5	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số; Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	¼ ngày
B6	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

7. Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa

- Thời gian giải quyết: 08 ngày

- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	¼ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyển lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở duyệt	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan	1 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Báo cáo thẩm định	½ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành.	Lãnh đạo Sở	Quyết định cấp đổi thẻ HDV du lịch	1 ngày
B4	In thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Thẻ Hướng dẫn viên du lịch	4,5 ngày

B5	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số; Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	¼ ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thẻ HDV du lịch	¼ ngày
	Tổng thời gian thực hiện			08 ngày

8. Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch

- Thời gian giải quyết: 08 ngày
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý du lịch thụ lý và xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	¼ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ; nếu hồ sơ đảm bảo theo yêu cầu thì tham mưu BC thẩm định chuyển lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định; nếu hồ sơ chưa đảm bảo theo yêu cầu thì chuyên viên tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân chuyển lãnh đạo phòng xem	Tham mưu, dự thảo văn bản liên quan	01 ngày

		xét, trình lãnh đạo Sở duyệt		
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Báo cáo thẩm định	½ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành.	Lãnh đạo Sở	Quyết định cấp lại thẻ HDV du lịch	01 ngày
B4	In thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	Cán bộ, chuyên viên phụ trách được phân công	Thẻ Hướng dẫn viên du lịch	4,5 ngày
B5	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản ký số; Thẻ Hướng dẫn viên Du lịch	¼ ngày
B6	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Thẻ HDV du lịch	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

II. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

9. Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

- Thời gian giải quyết: 09 ngày làm việc
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý Báo chí – Xuất bản thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý: Giao chuyên viên phụ trách tham mưu giải quyết	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Dự thảo các văn bản đầu ra	6 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Văn thư phát hành giấy phép và ban giao cho bộ phận một cửa	Văn thư	Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	1/2 ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9 ngày

10. Thủ tục Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

- Thời gian giải quyết: 07 ngày
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	½ ngày
B2	Phòng Quản lý Báo chí – Xuất bản thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý: Giao chuyên viên phụ trách tham mưu giải quyết	½ ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Dự thảo các văn bản đầu ra	4 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	½ ngày
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	½ ngày
B4	Văn thư phát hành giấy phép và ban giao cho bộ phận một cửa	Văn thư	Văn bản chấp thuận.	½ ngày
B5	Bộ phận một cửa tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả là Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				07 ngày